

THA HÓA?

HÀ THÚC MINH^(*)

Từ thuở xa xưa, khi con người còn sống bằng săn bắn, hái lượm, nghĩa là cũng chẳng khác gì con vật bao nhiêu, thời gian bận rộn trong ngày hầu như chỉ cốt kiếm cái gì để ăn. Cho nên, việc đầu tiên để con người tồn tại là hướng về bên ngoài, hướng về tự nhiên, về cái nôi mà từ đấy con người sinh ra. Con người nhiều lắm chỉ có thể quan tâm “ta có cái gì để ăn?”, chứ đâu còn hơi sức để thắc mắc những cái đó từ đâu ra. *Biết vậy* (Oti) và *biết tại sao* (Dioti) là cả quá trình phát triển nhận thức của nhân loại. *Biết tại sao* là cơ sở của tư duy *một phân đôi* và cái gọi là “tha hóa”⁽¹⁾ chính là sản phẩm của thời kì văn minh chứ không phải là của thời kì mông muội.

Tôn giáo được xem như là hiện tượng tha hóa của con người. Nếu vậy thì ngay điều đó cũng có thể thấy rằng, tôn giáo không phải là bước lùi mà là bước tiến trong lịch sử của nhân loại. Đương nhiên, trong bước tiến bao giờ cũng có bước lùi, cũng như trong sự sống bao giờ cũng có cái chết. Ông tổ của phép biện chứng, Héraclite chẳng phải đã nhận xét như vậy sao? Ông lấy ví dụ như cây cung (Bios) kia, tên gọi của nó là “sống” (Bios) nhưng tác dụng của nó lại là “chết”. Không có chết làm sao có sống? Nhưng là con người có mấy ai muốn chết đâu! Nhưng muốn hay không muốn cũng đều phải chết. Cho nên, “nhận thức rõ rệt nhất, đau đớn nhất về sự hữu hạn đối với

con người là việc nó cảm thấy hay ý thức trước rằng một lúc nào đó cuộc đời của nó phải kết liễu, nó phải chết và quả thật như thế. Nếu như con người không chết, nếu như nó được sống mãi, nếu như *không có cái chết thì ắt hẳn sẽ không có tôn giáo*”. Feuerbach nhận xét như vậy và ông còn bổ sung thêm: “Trong cuốn Atigone, Sophocle nói: Không có gì mạnh hơn con người, nó đi ngang dọc trên biển cả, khoan sâu vào lòng đất, thuần phục thú dữ, tự vệ chống lại mưa nắng, tìm ra kế sách giải quyết mọi thứ, nhưng duy chỉ có cái chết là nó không thể chốn tránh được. Con người và kẻ phải chết, thần và kẻ bất tử đối với người xưa cũng chỉ là một”. Feuerbach kết luận: “Chỉ có ngôi mộ của con người mới là nơi sinh ra các thần thánh”⁽²⁾.

Thần thánh trường sinh bất tử, nghĩa là chẳng bao giờ chết lại sinh ra từ cái chết? Thảo nào Jaspers cho rằng, triết học là học về cái chết. Tại sao không học

*. Ủy ban Giải thưởng Trần Văn Giàu, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. “Tha hoá” tiếng Latinh gọi là Alienatio, tiếng Anh và tiếng Pháp đều gọi là Alienation, trong tiếng Đức có hai từ C.Mác thường dùng mà nghĩa của nó không khác nhau nhiều lắm: Entfremdung và Entausserung, từ trước thiên về “tự nguyện”, từ sau thiên về “bị động”, “bị tước đoạt”. Trung Quốc thường dịch là “dị hoá” hay “sơ viễn hoá”.

2. Feuerbach. *Những bài giảng về bản chất của tôn giáo*. Bài giảng thứ 5, tr.48. (Lê Khắc Thành dịch từ bản tiếng Nga: Ludwig Feuerbach-Tuyển tập tác phẩm triết học. Tập 2. Nxb Sự thật. Mátxcova 1955)

về sự sống mà lại học về cái chết? Sở dĩ học về cái chết có lẽ cũng tại vì cơ thể của con người là “một cơ xá cộng hòa chỉ được phát sinh từ mối quan hệ qua lại của những thực thể bình quyền”, cho nên “nguyên nhân của cái chết cũng chính là nguyên nhân của sự sống”⁽³⁾. Cũng có lí, bởi vì phải ăn thì mới sống, không ăn thì chết. Cũng có khi ăn thì sẽ chết mà không ăn thì lại sống, tùy trường hợp được ăn hay không được ăn. Như vậy là sống hay chết cũng đều từ nguyên nhân “ăn” mà ra. “Ăn” thì ai cũng nhìn thấy, nhưng nguyên lí của “ăn” không ai nhìn thấy cả. Cái không nhìn thấy trừu tượng hơn là cái nhìn thấy, cho nên Hobbes khẳng định rằng: “Lí tính có được từ những lỗ tai”. Feuerbach còn phát triển thêm: “Nếu như con người ta chỉ có mắt và tay, vị giác và khứu giác thì sẽ không có tôn giáo”⁽⁴⁾.

Lỗ tai có thể nghe thấy cái mà con mắt không thể nhìn thấy. Cho nên, Feuerbach mới cho rằng, thần linh hay tôn giáo đều là sản phẩm của lỗ tai: “Màng nhĩ trong tai là nơi vang dội với các tình cảm tôn giáo và lỗ tai chính là cái tử cung từ đó thoát thai các vị thần”⁽⁵⁾.

Đó cũng là lí do để đạo Cơ Đốc chủ yếu dựa vào “lời nói” (của Thượng Đế), nói cách khác là dựa vào thính giác. Chẳng trách Luther đã đặt thính giác ở vị trí quan trọng bậc nhất ở nơi thờ tự: “Chỉ có thính giác là đòi hỏi phải có trong đền thờ Chúa”⁽⁶⁾.

Tổng Nho ở Phương Đông không phân chia thế giới thành “vật chất” và “ý thức” như trong những bài giảng triết học thường thấy, mà dựa vào nhìn thấy hay không nhìn thấy để chia thế giới thành “hình nhi thượng” (cái không thể nhìn thấy) và “hình nhi hạ” (cái có thể nhìn

thấy). Chính cái chỉ *nghe* chứ không *nhìn* thấy gọi là “Lí” mới cần đòi hỏi niềm “tin”. Không khí hay gió không nhìn thấy cho nên trở thành linh thiêng “hồn bay theo gió”, “gió hiu hiu thổi thì hay chị về”... Bận bề thân thiết nhất thường gọi là “tri âm” chứ có ai gọi là “tri diện” đâu! Quán Thế Âm nghìn mắt, nghìn tay nhưng quan trọng nhất vẫn là “âm” (Quan Âm) kia mà! Không biết có phải vì để nhắc nhở điều đó cho nên người ta *nhìn thấy* Quan Âm Bồ tát thường xuất hiện dưới dạng nữ, nhưng kì thực Ngài không phải là nữ. Hình hài nào có quan trọng gì đâu. Thần mà cũng có mắt mũi, tay chân như người thường, ai cũng nhìn thấy thì sao gọi là Thần!

Platon không chịu dừng lại ở giới tự nhiên cảm tính có thể “nhìn thấy”. Bởi vì, tự nhiên chẳng qua cũng chỉ là cái bóng của “siêu tự nhiên”. Cũng như cái bóng của con người không phải là con người. Người ta không thể lí giải những biểu hiện sinh động của rối nước từ bản thân nó mà phải từ những người đang điều khiển không trông thấy đứng ở phía sau nó. Cho nên, thực thể vô hình quan trọng hơn thực thể hữu hình. Chỉ có tai, chứ không phải mắt, mới “tiếp xúc” được cái vô hình. “Chết” thuộc về cõi vô hình, “Sống” là hữu hình, cho nên “sống” là hiện tượng, “chết” mới là bản chất, thực thể vô hình của Platon được gọi là “Idée” (Ý niệm). Tuy nhiên, có bao nhiêu vật thể lại có bấy nhiêu “ý niệm”, cho nên có quá nhiều “Ý niệm”. Có lẽ vì vậy nên Hegel quy tất cả “Ý niệm” đó trở thành cái gọi là “Ý niệm tuyệt đối” (Absolute Idee), hay

3. Sđd, tr.188.

4. Sđd, tr.40.

5. Sđd, tr.40.

6. Sđd, tr.41.

còn gọi là “tinh thần tuyệt đối (Absolute Geist)”. “Ý niệm tuyệt đối” chi phối toàn bộ tồn tại, diễn biến của thế giới. Nói cách khác, thực tại chẳng qua là sự tha hóa của “ý niệm tuyệt đối”. Mở đầu tác phẩm *Phê phán triết học Hegel*, Feuerbach viết: “Triết học tư biện Đức đối lập trực tiếp với trí tuệ Solomon cổ đại. Cái sau không thấy *bất cứ* cái mới nào dưới ánh mặt trời, cái trước thì *chỉ thấy* cái mới mà thôi”.

Triết học tư biện Đức mà Feuerbach đề cập chính là triết học Hegel. Thực ra, “cái mới” mà Hegel nhìn thấy chỉ là cái mới của “tinh thần tuyệt đối” mà thôi. “Tinh thần tuyệt đối” của Hegel là sự *nổi dài* ý niệm của Platon và góp phần *chú thích* cho tôn giáo nói chung, Cơ Đốc giáo nói riêng. Vì vậy, Feuerbach mới cho rằng, triết học của Hegel và tôn giáo chỉ là một: “Triết học có quan hệ gì với tôn giáo? Hegel kiên quyết cho rằng triết học và tôn giáo, nhất là với giáo lí của Cơ Đốc giáo là nhất trí. Mặc dầu vậy, ông vẫn xem tôn giáo như là một nấc thang của tinh thần”⁽⁷⁾.

Cái mà Hegel gọi là “tinh thần tuyệt đối”, theo Feuerbach, chẳng qua cũng chẳng khác gì Thượng Đế của Cơ Đốc giáo: “Thượng Đế là tinh thần thuần túy... triết học tư biện cũng chỉ là tinh thần thuần túy đó”. “Đặc trưng và thuộc tính chủ yếu của bản chất của Thượng Đế cũng là đặc trưng và thuộc tính của triết học tư biện”⁽⁸⁾.

Lênin rất công bằng khi đánh giá về Hegel. Cũng chẳng có gì là quá đáng khi đề cao cống hiến của Hegel về triết học, nhất là về phương pháp biện chứng. Và cũng chẳng sai chút nào khi nhận xét về cái gọi là “tinh thần tuyệt đối”: “Những điều ngu dốt về cái tuyệt đối... Nói

chung, tôi cố gắng đọc Hegel theo quan điểm duy vật: Hegel là chủ nghĩa duy vật lộn đầu xuống dưới (theo Ăngghen), nghĩa là phần lớn, tôi loại bỏ Thượng Đế tuyệt đối, ý niệm thuần túy...”⁽⁹⁾.

Như vậy, phải chăng Thượng Đế sáng tạo ra con người, ra tự nhiên của Cơ Đốc giáo đã được Hegel “triết học hóa” thành sự tha hóa của tinh thần tuyệt đối. Một bước thụt lùi khá dài của Hegel so với các nhà tư tưởng vô thần của Pháp thế kỉ XVIII, cũng như so với nhà triết học nhân bản Feuerbach ngay tại quê hương ông.

Cũng như nhiều nhà tư tưởng vô thần thời Phục hưng ở Phương Tây, “tự nhiên” (Nature) “vẫn là điểm tựa quan trọng bậc nhất của Rousseau. Dựa vào “tự nhiên”, ông lên án Nhà thờ Trung thế kỉ tước đoạt những gì chính đáng mà tự nhiên đã ban cho con người. Đồng thời, ông phê phán cả cái gọi là khoa học, nghệ thuật đã đánh mất bản chất của con người. Nói cách khác, khoa học, nghệ thuật hay văn hóa nói chung chính là sự tha hóa của con người - tự nhiên.

Hegel và Rousseau đều đề cập đến tự nhiên, nhưng một bên là tự nhiên *được tạo ra* còn một bên là tự nhiên *tạo ra*. Cho nên, Feuerbach phê phán “tự nhiên” của Hegel như sau: “Hegel khoe rằng phương pháp của ông là phù hợp với lẽ tự nhiên. Nhưng cho dù nói như thế nào đi nữa thì cũng chỉ là sao chép tự nhiên mà thôi.

Hơn nữa, bản sao lại thiếu mất sức sống của bản gốc”⁽¹⁰⁾.

7. *Tuyển tập Feuerbach. Tập 2*. Nxb Tam Liên. Bắc Kinh 1959, tr.225.

8. *Sđđ*, tr.129.

9. *Lênin toàn tập. Tập 29*. Nxb Tiến bộ. Mátxcova 1981, tr.111.

10. *Tuyển tập Feuerbach. Tập 2*. Nxb Tam Liên. Bắc Kinh 1959, tr.46.

“Bản sao” tự nhiên của Hegel “thiếu sức sống”, vậy “bản gốc” của Feuerbach liệu có thừa sức sống hay không? Thừa thiếu như thế nào chưa biết, nhưng theo Feuerbach, tự nhiên của Hegel cũng như của tôn giáo là tự nhiên “lộn ngược”, bởi vì Hegel xem: “Bản chất khách quan coi như là chủ quan, bản chất của giới tự nhiên coi như là khác với giới tự nhiên, coi như là bản chất của con người, bản chất của con người coi như là khác với người, coi như là bản chất không phải người. Đó là thực thể của Thượng Đế, đó là bản chất của tôn giáo, đó là bí mật của chủ nghĩa thần bí và tư biện”⁽¹¹⁾.

Lênin đánh giá rất cao phát hiện của Feuerbach về “bí mật” của Hegel và tôn giáo. “Sehr gut!” (hay lắm) được Lê nin ghi ngay bên cạnh đoạn trích trên trong *Bút kí triết học*. Bên dưới đó, ông còn khen là một “đoạn tuyệt diệu”.

Trong *Phê phán Kinh Thánh: Bản chất của đạo Cơ Đốc*, Feuerbach đã vạch rõ “biên giới” giữa ông với Hegel: “Phương pháp của Hegel và phương pháp tư duy của tôi... khác nhau về bản chất... Trong triết học của Hegel những gì thuộc về tính thứ hai, chủ quan, có ý nghĩa hình thức thì lại là tính thứ nhất, có ý nghĩa bản chất trong triết học của tôi... Hegel khách quan hóa những gì thuộc về chủ quan, còn tôi chủ quan hóa những gì là khách quan”⁽¹²⁾.

Feuerbach đã gắn liền phê phán tôn giáo với phê phán triết học. Điểm tựa của ông là tự nhiên cho nên học thuyết của ông cũng bao gồm chủ nghĩa tự nhiên và chủ nghĩa nhân bản. Feuerbach tự thừa nhận: “Tôi là một kẻ báỉ phục và tôn thờ tự nhiên một cách nồng nhiệt”⁽¹³⁾. Bởi vì, theo Feuerbach: “Tự nhiên là bản chất đầu tiên và cũng là cuối cùng mà chúng

ta không thể vượt ra ngoài được”. Cho nên, phải nhận thức tự nhiên như nó vốn có, không nên giống như “thuyết phiếm thần luận đã biến tự nhiên thành quá nhiều và ngược lại, chủ nghĩa duy tâm, đạo Kitô lại biến tự nhiên thành quá ít, có nghĩa là chẳng có gì cả”⁽¹⁴⁾.

Trong *Lời nói đầu, Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*, Mác viết: “Căn cứ của sự phê phán chống tôn giáo là: Con người sáng tạo ra tôn giáo chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người. Cụ thể là: Tôn giáo là sự tự ý thức và sự tự tri giác của con người chưa tìm thấy bản thân mình hoặc đã lại đánh mất bản thân mình một lần nữa”.

“Căn cứ” phê phán tôn giáo mà Mác đề cập đương nhiên không phải từ trên trời rơi xuống và cũng không phải do ông “sáng tạo” ra. Đó chính là thành tựu trí tuệ của những nhà Khai sáng Pháp thế kỉ XVIII, và nhất là của người đồng hương, nhà triết học tự nhiên chủ nghĩa Feuerbach. Những nhà vô thần Pháp dựa vào, hay nói đúng hơn là *quá dựa vào* thành tựu khoa học tự nhiên lúc bấy giờ để phê phán tôn giáo, cho nên, họ thường dừng lại ở bình diện *nhận thức luận* để tìm nguyên nhân sản sinh cũng như biện pháp xóa bỏ tôn giáo. Feuerbach không chỉ dừng lại ở nhận thức luận, từ bản chất tự nhiên và bản chất của con người. Ông đã chỉ ra điều mà các nhà vô thần Pháp chưa nói tới, đó là “căn cứ” phê phán tôn giáo mà Mác đã đề cập. Nhưng

11. *Lênin toàn tập. Tập 23*. Nxb Tiến bộ. Mátxcova 1981, tr.71.

12. Trích theo: S.C. Gabaraev. *Chủ nghĩa duy vật của Feuerbach*. Nxb Khoa học. Bắc Kinh 1959, tr.50.

13. Feuerbach. *Những bài giảng về bản chất của tôn giáo*. Sđd, tr.125.

14. Sđd, tr.54.

Feuerbach cũng chỉ mới đem con người từ bàn tay của Thượng Đế trả về cho tự nhiên và tuyên bố là đã xong mọi trách nhiệm. Thực ra, Feuerbach chỉ đi được một nửa chặng đường. Ông mới chỉ hoàn thành về mặt tự nhiên chứ chưa hoàn thành về mặt xã hội. Cho nên, rất chính xác khi Feuerbach tuyên bố: “Thần học là nhân loại học”, hay về sau, ông còn bổ sung thêm cái gọi là “sinh lí học”. Mác cho rằng, Feuerbach đã “hòa tan bản chất tôn giáo vào bản chất con người”, nhưng ông lại chê trách Feuerbach chưa hiểu “bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội”. Có lẽ không phải chỉ có Feuerbach chưa hiểu mà cả thời kì Phục hưng hay cách mạng tư sản cũng “chưa” hiểu, hoặc “không cần” hiểu điều đó. Cho nên, bản chất của con người bị Thượng Đế vô hình trên Trời lấy đi thì nay lại bị “Thượng Đế” hữu hình dưới đất lấy đi một lần nữa. Cho nên, Mác đã trở về với chủ đề chính: “Do đó, *nhệm vụ của lịch sử*, sau khi *thế giới bên kia của chân lí* đã mất đi, là xác lập *chân lí của thế giới bên này*. Một khi *hình thức thần thánh* của sự tự tha hóa của con người đã bị bóc trần thì nhiệm vụ thứ nhất của triết học đang phục vụ lịch sử, là bóc trần sự tự tha hóa trong *những hình thức không thần thánh* của nó. Như vậy, phê phán Thượng giới biến thành phê phán cõi trần, *phê phán tôn giáo* biến thành *phê phán pháp quyền*. *Phê phán thần học* biến thành *phê phán chính trị*”⁽¹⁵⁾.

“Phê phán tôn giáo” nhường chỗ cho “phê phán chính trị”. “Chính trị” là quyền lực, là nhà nước. Nói cách khác, quyền lực

và nhà nước của giai cấp tư sản đã làm cho con người “đánh mất bản thân mình một lần nữa”, bởi vì khi công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta càng có ít để tiêu dùng; anh ta càng tạo ra nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta càng đẹp thì anh ta càng xấu đi; vật do anh ta tạo ra văn minh thì anh ta càng giống với người dã man...”⁽¹⁶⁾.

Sự đánh mất bản chất lần thứ hai hay là “do lao động bị tha hóa làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất *nhân loại* của con người, trở thành xa lạ với con người”⁽¹⁷⁾.

Nếu “bản thân con người là bản chất tối cao của con người”, nếu “con người là tương lai của con người” hay “con người là mục đích của con người”... gì gì đi nữa thì e rằng con người vẫn phải tiếp tục đi tìm bản thân mình, hay cái gọi là “tha hóa” gì đó âu vẫn còn là chuyện dài nhiều tập. Nếu “niềm tin không có quan hệ với những cái hữu hình mà có quan hệ với những gì là vô hình” (*Kinh Thánh*), nếu “niềm tin trực tiếp hướng về những gì là con số không, là hư vô hoàn toàn và chờ đợi nó sẽ trở thành tất cả” (Luther), thì hãy cứ “tin” đi! Cho dù “Tôi tin bởi vì điều đó là vô lí”./.

15. Các Mác, Phridrich Angghen tuyển tập. Tập 1. Nxb Sự thật. Hà Nội 1980, tr.15.

16. Sđd, tr.113.

17. Sđd, tr.121.